

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh;
2. Ông Nguyễn Văn Tèo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Lê Tiến Danh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

2. *Bị đơn:* anh Ngô Văn C1, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở: B, C, D, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết Th – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Võ Nhật DA, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện T.

Địa chỉ: khu phố X1, thị trấn Y1, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-5-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị và anh Ngô Văn C1 kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn cùng năm. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C1 nhiều lần mượn tài sản của gia đình cầm cố để đánh bạc, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh C1 không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ tháng 4-2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh C1.

- Về con chung: Chị và anh C1 có một con chung tên Ngô Thị Ngọc A, sinh ngày 15-4-2011, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu A, không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh C1 có một căn nhà tường cấp 4 (không tô) tọa lạc tại ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, do chị đang quản lý. Ngoài ra, không còn tài sản chung nào khác. Khi ly hôn, chị và anh C1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh C1 nợ Ngân hàng A – Chi nhánh huyện T số tiền 30.000.000 đồng (gọi tắt ngân hàng) và Ngân hàng A – Phòng giao dịch huyện T (gọi tắt phòng giao dịch) số tiền 24.500.000 đồng. Ngoài ra, không còn nợ ai khác. Đối với số tiền vay của phòng giao dịch, chị đã trả xong; còn số tiền vay của ngân hàng, chị yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Bị đơn anh Ngô Văn C1 đã khai: Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của chị C. Anh và chị C kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2018, nguyên nhân do anh thường xuyên sang Campuchia đánh bạc và không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 4-2018 cho đến nay. Anh vẫn còn thương yêu vợ con, mong muốn gia đình hàn gắn nên anh không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

- Về con chung: Anh và chị C có một con chung tên Ngô Thị Ngọc A, sinh ngày 15-4-2011, hiện đang sống với chị C. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị C có một căn nhà tường cấp 4 (không tô) tọa lạc tại ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, do chị C đang quản lý. Ngoài ra, không còn tài sản chung nào khác. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị C nợ ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng và phòng giao dịch số tiền 24.500.000 đồng. Ngoài ra, không còn nợ ai khác. Khi ly hôn, anh yêu cầu chia đôi nợ chung.

Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Võ Nhật DA đã khai:

Ngày 14-6-2014, chị Nguyễn Thị C và anh Ngô Văn C1 vay của phòng

giao dịch số tiền 20.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 66000000701028760 với lãi suất trong hạn 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn 1,04%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14-4-2019, mục đích để chăn nuôi bò. Đến ngày 14-7-2015, chị C và anh C1 tiếp tục vay của phòng giao dịch số tiền 12.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6600000705007452 với lãi suất trong hạn 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 0,975%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14-7-2020, mục đích để xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường.

Sau khi vay chị C và anh C1 đã trả 9.700.000 đồng, còn nợ lại 22.300.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 22-6-2018, chị C trả hết số tiền gốc 22.300.000 đồng và tiền lãi nên phòng giao dịch rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu gì khác trong vụ việc này.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng qui định pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Kiểm sát viên chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Ngô Văn C1; giao con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên không giải quyết. Căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của phòng giao dịch đối với chị C và anh C1.

Về án phí: Buộc chị C phải chịu án phí; anh C1 không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh giải quyết việc hôn nhân giữa chị C và anh Ngô Văn C1. Đồng thời, phòng giao dịch có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập. Theo quy định tại Điều 26, Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu. Trong quá trình giải quyết, anh C1 đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng anh C1 vắng mặt không có lý do, áp dụng Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C1; ông Nguyễn Võ Nhật DA có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông An.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh C1 kết hôn vào năm 2010, được cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua làm việc, anh C1 thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn do anh thường xuyên đánh bạc, không chăm sóc gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 4-2018 cho đến nay, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con. Quá trình làm việc, Tòa án đã tổ chức hòa giải cho chị C và anh C1 để có thời gian hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Qua xác minh tại địa phương thể hiện, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị C và anh C1 là do anh C1 thường xuyên đánh bạc, cầm cố tài sản của gia đình. Xét thấy rằng mâu thuẫn giữa chị C và anh C1 đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh C1 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị C và anh C1 thống nhất có một con chung tên Ngô Thị Ngọc A, sinh ngày 15-4-2011. Xét thấy từ ngày ly thân đến nay chị C chăm sóc cháu A đảm bảo điều kiện về vật chất, tinh thần và theo nguyện vọng của cháu A muốn sống với chị C nên giao cháu A cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị C và anh C1 thống nhất có một căn nhà tường cấp 4 (không tô) tọa lạc tại ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị C và anh C1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị C và anh C1 thống nhất nợ ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Ngân hàng không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Ngày 22-6-2018, phòng giao dịch có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với chị C và anh C1. Xét thấy việc phòng giao dịch rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của phòng giao dịch đối với chị C và anh C1.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Ngô Văn C1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Ngô Văn C1. Chị C được ly hôn với anh C1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Thị Ngọc A, sinh ngày 15-4-2011 cho chị Nguyễn Thị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi

nhận chị C không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở anh C1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh C1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa Ngân hàng A – Phòng giao dịch huyện T đối với chị Nguyễn Thị C và anh Ngô Văn C1. Ngân hàng A – Phòng giao dịch huyện T được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ việc dân sự.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021439 ngày 14-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Ngô Văn C1 không phải chịu án phí. Ngân hàng A – Phòng giao dịch huyện T không phải nộp tiền tạm ứng án phí.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Văn C1 và Ngân hàng A – Phòng giao dịch huyện T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu